

PHƯƠNG ÁN
TỔNG THỂ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025 CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh QUẢNG TRỊ báo cáo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, như sau:

Phần I
HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Tỉnh:

1.1. Diện tích tự nhiên 4.701 km²

1.2. Quy mô dân số 779.890 người

(Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, dân số gồm dân số đăng ký thường trú và dân số quy đổi)

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 10 (chia ra: 08 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố)

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: 02 (chia ra: 01 huyện, 01 thị xã)

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 02 (chia ra: 01 huyện, 01 thị xã)

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 0

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 0

3. Số lượng ĐVHC cấp xã:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: 125 (chia ra: 101 xã, 13 phường, 11 thị trấn)

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 17 (chia ra: 15 xã, 01 phường, 01 thị trấn)

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 08 (chia ra: 06 xã, 01 phường, 01 thị trấn)

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp:

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 05 (chia ra: 03 xã, 02 thị trấn)

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: 01 thị xã

1.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp: Thị xã Quảng Trị

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 72,82 km²

1.1.3. Quy mô dân số: 29.382 người

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người

1.1.5. Số ĐVHC trực thuộc: 05

1.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp 02 (chia ra: 01 huyện, 01 thị xã)

1.1. Huyện đảo Cồn Cỏ

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Hải đảo, có vị trí biệt lập với các ĐVHC cùng cấp ở đất liền.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,3 km²

1.1.3. Quy mô dân số: 168 người

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người

1.1.5. Số ĐVHC trực thuộc: 0

1.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng

- Hưởng chính sách theo NĐ 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phụ cấp khu vực 0,7 theo Thông tư liên tịch 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND

1.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Huyện đảo có vị trí biệt lập.

1.2. Thị xã Quảng Trị

1.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 72,82 km²

1.2.3. Quy mô dân số: 29.382 người

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người

1.2.5. Số ĐVHC trực thuộc: 05

1.2.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng

1.2.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp:
Không có.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: Không có.

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp:

1.1. Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 15,07 km²

1.1.3. Quy mô dân số: 4.521 người

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Vĩnh Lâm, Kim Thạch, Hiền Thành, Trung Nam và thị trấn Hồ Xá.

1.2. Xã Gio Châu, huyện Gio Linh

1.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 17,18 km²

1.2.3. Quy mô dân số: 4.728 người

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (7 người; chiếm tỷ lệ 0,14%)

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Gio Sơn, Linh Hải, Phong Bình, Gio Quang, Gio Mai và thị trấn Gio Linh.

1.3. Xã Linh Hải, huyện Gio Linh

1.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.3.2. Diện tích tự nhiên: 20,05 km²

1.3.3. Quy mô dân số: 2.924 người

1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (4 người; chiếm tỷ lệ 0,14%)

1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Hải Thái, Gio Sơn, Gio Châu và Gio Quang.

1.4. Xã Trung Hải, huyện Gio Linh

1.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.4.2. Diện tích tự nhiên: 14,47 km²

1.4.3. Quy mô dân số: 5.090 người

1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (20 người; chiếm tỷ lệ 0,39%)

1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Trung Giang, Gio Mỹ, Phong Bình và xã Trung Sơn.

1.5. Xã Gio Quang, huyện Gio Linh

1.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.5.2. Diện tích tự nhiên: 18,33 km²

1.5.3. Quy mô dân số: 3.584 người

1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (13 người; chiếm tỷ lệ 0,36%)

1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Linh Hải, Gio Châu và Gio Mai.

1.6. Xã Gio Việt, huyện Gio Linh

1.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.6.2. Diện tích tự nhiên: 3,57 km²

1.6.3. Quy mô dân số: 6.558 người

1.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (9 người; chiếm tỷ lệ 0,14%)

1.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Gio Hải, xã Gio Mai và thị trấn Cửa Việt.

1.7. Xã Gio Sơn, huyện Gio Linh

1.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

1.7.2. Diện tích tự nhiên: 14,05 km²

1.7.3. Quy mô dân số: 5.361 người

1.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (24 người; chiếm tỷ lệ 0,45%)

1.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Gio An, Gio Châu, Linh Hải và Hải Thái.

1.8. Xã Trung Giang, huyện Gio Linh

1.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù : Không có

1.8.2. Diện tích tự nhiên: 10,77 km²

1.8.3. Quy mô dân số: 4.955 người

1.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (17 người; chiếm tỷ lệ 0,34%)

1.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Gio Hải, Gio Mỹ và Trung Hải.

1.9. Xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong

1.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.9.2. Diện tích tự nhiên: 14,05 km²

1.9.3. Quy mô dân số: 4.625 người

1.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (7 người; chiếm tỷ lệ 0,15%)

1.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Triệu Trạch, Triệu Lăng, Triệu Trung và Triệu Tài.

1.10. Xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong

1.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

1.10.2. Diện tích tự nhiên: 10,66 km²

1.10.3. Quy mô dân số: 3.712 người

1.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (11 người; chiếm tỷ lệ 0,30%)

1.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Triệu Trạch, Triệu Phước, Triệu An và Triệu Lăng.

1.11. Xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong

- 1.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không
- 1.11.2. Diện tích tự nhiên: 11,43 km²
- 1.11.3. Quy mô dân số: 5.555 người
- 1.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (13 người; chiếm tỷ lệ 0,23%)
- 1.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Triệu Trạch, Triệu Vân và xã Triệu Sơn.

1.12. Xã Hải Quế, huyện Hải Lăng

- 1.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không
- 1.12.2. Diện tích tự nhiên: 15,02 km²
- 1.12.3. Quy mô dân số: 4.625 người
- 1.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0)
- 1.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Hải Ba, Hải An, Hải Khê, Hải Dương và Hải Định

1.13. Xã Hải Quy, huyện Hải Lăng

- 1.13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không
- 1.13.2. Diện tích tự nhiên: 6,93 km²
- 1.13.3. Quy mô dân số: 5.278 người
- 1.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0 %)
- 1.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Hải Hưng, Hải Thượng và Hải Phú.

1.14. Xã Hải Phú, huyện Hải Lăng

- 1.14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có
- 1.14.2. Diện tích tự nhiên: 17,38 km²
- 1.14.3. Quy mô dân số: 5.397 người
- 1.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)
- 1.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Hải Thượng, Hải Quy và Hải Lâm.

1.15. Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh

- 1.15.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không
- 1.15.2. Diện tích tự nhiên: 14,46 km²
- 1.15.3. Quy mô dân số: 3.834 người
- 1.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (12 người; chiếm tỷ lệ 0,31%)
- 1.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Vĩnh Tú, Trung Nam, Kim Thạch.

1.16. Phường An Đôn, thị xã Quảng Trị

- 1.16.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:
- 1.16.2. Diện tích tự nhiên: 2,66 km²

- 1.16.3. Quy mô dân số: 1.885 người
- 1.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (4 người; chiếm tỷ lệ 0,21%)
- 1.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1, Phường 2, Phường 3 và xã Hải Lệ.

1.17. Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

- 1.17.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không
- 1.17.2. Diện tích tự nhiên: 3,5 km²
- 1.17.3. Quy mô dân số: 5.538 người
- 1.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (10 người; chiếm tỷ lệ 0,18%)
- 1.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có
- 1.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Triệu Ái, Triệu Long và Triệu Thượng.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp:

2.1. Xã Hải Phú, huyện Hải Lăng

2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có cơ sở tôn giáo lớn là Nhà thờ La Vang, nơi trung tâm hành hương của đồng bào giáo dân trong và ngoài nước; Xã Hải Phú đã được quy hoạch đô thị mới thị trấn La Vang theo Quy hoạch tỉnh và UBND tỉnh đã phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng tại quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 31/3/2023.

2.1.2. Diện tích tự nhiên: 17,38 km²

2.1.3. Quy mô dân số: 5.397 người

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Hải Thượng, Hải Quy và Hải Lâm.

2.2. Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh

2.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thuộc khu vực biên giới biển.

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 14,46 km²

2.2.3. Quy mô dân số: 3.834 người

2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (12 người; chiếm tỷ lệ 0,31%)

2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Vĩnh Tú, Trung Nam, Kim Thạch.

2.3. Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh

2.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Xã ổn định từ năm 1954 đến nay.

2.3.2. Diện tích tự nhiên: 15,07 km²

2.3.3. Quy mô dân số: 4.521 người

2.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

2.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Vĩnh Lâm, Kim Thạch, Hiền Thành, Trung Nam và thị trấn Hồ Xá.

2.4. Xã Trung Hải, huyện Gio Linh

2.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Thuộc khu vực di tích lịch sử đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải.

2.4.2. Diện tích tự nhiên: 14,47 km²

2.4.3. Quy mô dân số: 5.090 người

2.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (20 người; chiếm tỷ lệ 0,39%)

2.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Trung Giang, Gio Mỹ, Phong Bình và xã Trung Sơn.

2.5. Xã Trung Giang, huyện Gio Linh

2.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù : Là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thuộc khu vực biên giới biển.

2.5.2. Diện tích tự nhiên: 10,77 km²

2.5.3. Quy mô dân số: 4.955 người

2.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (17 người; chiếm tỷ lệ 0,34%)

2.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Gio Hải, Gio Mỹ và Trung Hải.

2.6. Xã Hải Quy, huyện Hải Lăng

2.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

2.6.2. Diện tích tự nhiên: 6,93 km²

2.6.3. Quy mô dân số: 5.278 người

2.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

2.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Hải Hưng, Hải Thượng và Hải Phú.

2.7. Phường An Đôn, thị xã Quảng Trị

2.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Có vị trí tách biệt với các ĐVHC cùng cấp khác.

2.7.2. Diện tích tự nhiên: 2,66 km²

2.7.3. Quy mô dân số: 1.885 người

2.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (4 người; chiếm tỷ lệ 0,21%)

2.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1, Phường 2, Phường 3 và xã Hải Lệ.

2.8. Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

2.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Là thị trấn trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2.8.2. Diện tích tự nhiên: 3,5 km²

2.8.3. Quy mô dân số: 5.538 người

2.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (10 người; chiếm tỷ lệ 0,18%)

2.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Triệu Ái, Triệu Long và Triệu Thượng.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp:
Không có

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liên kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp:

4.1. Xã Triệu An, huyện Triệu Phong

4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

4.1.2. Diện tích tự nhiên: 13,9 km²

4.1.3. Quy mô dân số: 8.391 người

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (22 người; chiếm tỷ lệ 0,26%)

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Triệu Phước và xã Triệu Vân.

4.2. Xã Hải Dương, huyện Hải Lăng

4.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

4.2.2. Diện tích tự nhiên: 24,17 km²

4.2.3. Quy mô dân số: 6.165 người

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (13 người; chiếm tỷ lệ 0,21%)

4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hải Định, Hải Phong, Hải Quế và Hải Khê.

4.3. Xã Hải Ba, huyện Hải Lăng

4.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không

4.3.2. Diện tích tự nhiên: 22,72 km²

4.3.3. Quy mô dân số: 6.557 người

4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hải Hưng, Hải Định, Hải Hải Quế và Hải An.

4.4. Thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh

4.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Là thị trấn trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

4.4.2. Diện tích tự nhiên: 7,7 km²

4.4.3. Quy mô dân số: 9.667 người

4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (14 người; chiếm tỷ lệ 0,14%)

4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các xã: Gio Châu, Phong Bình, Gio Mỹ và xã Gio Hải.

4.5. Thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh

4.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thuộc khu vực biên giới biển.

4.5.2. Diện tích tự nhiên: 6,88 km²

4.5.3. Quy mô dân số: 6.211 người

4.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (26 người; chiếm tỷ lệ 0,42%)

4.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Gio Hải và xã Gio Việt

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 1-1A, 1-1B, 1-2A, 1-2B, kèm theo)

Phần II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không có

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

1.1.1. Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Linh Hải, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 20,50 km², đạt 68,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 2.924 người, đạt 36,55% so với tiêu chuẩn) với xã Gio Sơn, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 14,05 km², đạt 46,83% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.361 người, đạt 67,01% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Linh Hải và xã Gio Sơn là 02 xã có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đạt chuẩn theo quy định (dưới 70%), trong đó xã Gio Sơn là xã đã thực hiện sáp nhập giai đoạn 2019-2021 nên không sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 và 2026-2030. Tuy nhiên, trước đây xã Linh Hải được tách ra từ xã Gio Sơn, theo tâm tư, nguyện vọng của người dân xã Linh Hải muốn sáp nhập lại với xã Gio Sơn để thuận lợi hơn trong giao thương kinh tế cũng như giao dịch hành chính và phù hợp với lịch sử hình thành. Vì vậy, thống nhất thực hiện sáp nhập xã Linh Hải và xã Gio Sơn trong giai đoạn 2023-2025 thành một đơn vị hành chính mới.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 34,55 km² (đạt 115,2% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 8.285 người (đạt 103,6% so với tiêu chuẩn)
- Số dân là người dân tộc thiểu số (28 người; chiếm tỷ lệ 0,34%)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hải Thái, Gio An, Gio Quang,

Gio Châu

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Tại trụ sở xã Gio Sơn hoặc trụ sở xã Linh Hải.

1.1.2. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thôn Hà Thanh, xã Gio Châu, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 8,25 km²; quy mô dân số là 1.456 người) vào xã Gio Quang, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 18,33 km², đạt 61,1% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 3.584 người, đạt 44,8% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Gio Châu và xã Gio Quang có 02 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt dưới 70%, thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025.

Xã Gio Châu gồm 3 thôn: Thôn Hà Thanh, thôn Hà Trung và Thôn Hà Thượng, trong đó thôn Hà Thanh, xã Gio Châu có vị trí nằm liền kề với xã Gio Quang, tập quán sản xuất, sinh hoạt của nhân dân có nét tương đồng và địa giới hành chính đều thuộc khu công nghiệp Quán Ngang. Các thôn Hà Thượng, Hà Trung của xã Gio Châu nằm tiếp giáp với thị trấn Gio Linh, trước đây 02 thôn này cùng một xã với phần lớn diện tích hiện nay của thị trấn Gio Linh, nếu nhập nguyên trạng xã Gio Châu với xã Gio Quang thì đơn vị hành chính xã mới có địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý.

Vì vậy, căn cứ tình hình thực tiễn địa phương và nguồn gốc lịch sử hình thành, để thuận lợi cho người dân 02 xã trong việc thực hiện giao dịch hành chính và thuận lợi cho công tác quản lý của đơn vị hành chính mới, thống nhất nhập thôn Hà Thanh, xã Gio Châu nhập vào xã Gio Quang; các thôn Hà Thượng, Hà Trung nhập vào thị trấn Gio Linh.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 26,58 km² (đạt 88,6% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 5.040 người (đạt 63,0% so với tiêu chuẩn)
- Số dân là người dân tộc thiểu số (20 người; chiếm tỷ lệ 0,40%)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Gio Mai, thị trấn Gio Linh, xã Linh

Hải, xã Gio Sơn

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Tại trụ sở xã Gio Quang.

c) Kết quả sau sắp xếp: Xã Gio Châu còn lại các thôn Hà Thượng, Hà Trung có:

- Diện tích tự nhiên 8,93 km²
- Quy mô dân số 3.272 người
- Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

c) Kết quả sau sắp xếp thì xã Gio Châu còn lại các thôn Hà Thượng, Hà Trung có:

- Diện tích tự nhiên 8,93 km²
- Quy mô dân số 3.272 người
- Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0%)

(Các thôn Hà Thượng, Hà Trung, xã Gio Quang sẽ nhập với thị trấn Gio Linh theo phương án tại điểm 1.2.1).

1.1.3. Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong (có diện tích tự nhiên là 17,65 km², đạt 58,83% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.625 người, đạt 57,81% so với tiêu chuẩn) với xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong (có diện tích tự nhiên là 11,43 km², đạt 38,09% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.555 người, đạt 69,44% so với tiêu chuẩn, là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Triệu Sơn và xã Triệu Lăng có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt dưới 70% so với quy định, thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025.

Xã Triệu Sơn giáp liền kề với xã Triệu Lăng từ điểm đầu xã đến điểm cuối xã về hướng Đông, giao thông đi lại thuận tiện, có ba trục đường nhựa kết nối giữa xã Triệu Lăng và xã Triệu Sơn, thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo An ninh - Quốc phòng.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 29,08 km² (đạt 96,92% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 10.180 người (đạt 127,25% so với tiêu chuẩn)
- Số dân là người dân tộc thiểu số (20 người; chiếm tỷ lệ 0,20%)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Triệu Vân, xã Triệu Trạch, xã Triệu

Trung, xã Triệu Tài.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Tại trụ sở xã Triệu Sơn hoặc trụ sở xã Triệu Lăng.

1.1.4. Đối với xã Triệu Vân: Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong (có diện tích tự nhiên là 10,66 km², đạt 35,53% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 3.694 người, đạt 46,18% so với tiêu chuẩn, là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng) với xã Triệu An, huyện Triệu Phong (có diện tích tự nhiên là 13,90 km², đạt 46,32% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.382 người, đạt 104,78% so với tiêu chuẩn, là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Triệu Vân có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt dưới 70% so với quy định, thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025.

Xã Triệu Vân giáp ranh với các xã: Triệu Trạch, Triệu Phước, Triệu An và Triệu Lăng, trong đó xã Triệu Lăng đã có phương án nhập với xã Triệu Sơn, xã Triệu Trạch có diện tích lớn (33,83 km², đạt 112,77% tiêu chuẩn quy định),

xã Triệu Phước có đường địa giới tiếp giáp ngắn nên nếu nhập với xã Triệu Vân thì khó tổ chức giao thông sau khi sắp xếp.

Xã Triệu Vân và xã Triệu An là 02 xã vùng bãi ngang ven biển; có nguồn gốc từ một xã trước đây (*tháng 09/1981 mới tách ra thành hai xã như hiện nay*) nên về phong tục, tập quán và ngành nghề sinh sống cơ bản giống nhau (*sinh sống chủ yếu bằng ngư nghiệp*); cùng nằm trên trục đường khu kinh tế Đông Nam và phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Đô thị Nam Cửa Việt.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 24,56 km² (đạt 81,85% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 12.076 người (đạt 150,95% so với tiêu chuẩn)
- Số dân là người dân tộc thiểu số (33 người; chiếm tỷ lệ 0,27%)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Triệu Lăng, xã Triệu Trạch, xã

Triệu Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Tại trụ sở xã Triệu Vân hoặc trụ sở xã Triệu An.

1.1.5. Nhập thôn Đơn Quế, thôn Hội Yên xã Hải Quế (diện tích tự nhiên khoảng 8,43 km², quy mô dân số khoảng 2.422 người) vào xã Hải Ba (diện tích tự nhiên 22,72 km², quy mô dân số 6.557 người) thành ĐVHC xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Thôn Đơn Quế, thôn Hội Yên xã Hải Quế giáp ranh với các xã: Hải Ba, Hải An và Hải Định. Trong đó xã Hải Định đã sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021; việc nhập các thôn Đơn Quế, Hội Yên xã Hải Quế vào xã Hải Ba có mối liên hệ, có sự tương đồng trong lịch sử hình thành và phát triển; cơ bản trở lại với lịch sử các xã trước đây.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 31,15 km², đạt 103,83% tiêu chuẩn
- Quy mô dân số 8.979 người, đạt 112,24% tiêu chuẩn
- Số dân là người dân tộc thiểu số (20 người; chiếm tỷ lệ 0,19%)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hải An, xã Hải Định và ĐVHC xã mới

sau khi nhập thôn Kim Long xã Hải Quế vào xã Hải Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Tại trụ sở xã Hải Ba hoặc trụ sở xã Hải Quế.

1.1.5. Nhập thôn Kim Long xã Hải Quế (diện tích tự nhiên khoảng 6,59 km², quy mô dân số khoảng 2.203 người) vào xã Hải Dương (diện tích tự nhiên 24,17km², quy mô dân số 6.165 người) thành ĐVHC xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Thôn Kim Long xã Hải Quế giáp ranh với các xã: Hải Khê, Hải Dương và Hải Định. Trong đó xã Hải Định đã sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021; việc nhập các thôn Kim Long xã Hải Quế vào xã Hải Dương có mối liên hệ, có sự tương đồng trong lịch sử hình thành và phát triển; cơ bản trở lại với lịch sử các xã trước đây.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 30,76 km², đạt 102,53% tiêu chuẩn

- Quy mô dân số 8.365 người, đạt 104,6% tiêu chuẩn
- Số dân là người dân tộc thiểu số (0 người; chiếm tỷ lệ 0)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hải Khê, xã Hải Định và ĐVHC xã mới sau khi nhập thôn Đơn Quế, thôn Hội Yên xã Hải Quế vào xã Hải Ba.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Tại trụ sở xã Hải Dương.

1.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

1.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các thôn: Hà Thượng, Hà Trung, xã Gio Châu, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 8,93 km²; quy mô dân số là 3.272 người) vào thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 7,7 km², đạt 55,0% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.667 người, đạt 120,84% so với tiêu chuẩn.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Thôn Hà Trung và Thôn Hà thượng, xã Gio Châu có địa giới hành chính liền kề với thị trấn Gio Linh nằm về phía Nam và phía Tây thị trấn Gio Linh. Một phần thị trấn Gio Linh hiện nay với 02 thôn này trước đây cùng một xã. Vì vậy, việc nhập 02 thôn Hà Trung và Hà Thượng xã Gio Châu vào thị trấn Gio Linh là phù hợp với thực tiễn, nhằm quy hoạch mở rộng thị trấn về phía Tây và Nam, phù hợp với nguồn gốc lịch sử hình thành thị trấn Gio Linh.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã có:

- Diện tích tự nhiên 16,63 km² (đạt 118,79% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 12.939 người (đạt 161,71% so với tiêu chuẩn)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Phong Bình, xã Gio Mỹ, Gio Quang, xã Gio Hải.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Tại trụ sở thị trấn Gio Linh.

1.2.2. Đối với xã Gio Việt: Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Gio Việt, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 3,57 km², đạt 11,9% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.558 người, đạt 81,98% so với tiêu chuẩn) với thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh (có diện tích tự nhiên là 6,88 km², đạt 49,14% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.211 người, đạt 77,64% so với tiêu chuẩn.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Gio Việt và thị trấn Cửa Việt giáp ranh với nhau, cùng nằm trên trục đường quốc lộ 9 nối về Cửa Việt, ngành nghề chủ yếu là đánh bắt hải sản, hậu cần nghề cá, thương mại, dịch vụ và du lịch biển. Năm 2005 thực hiện Nghị định 103/2005/NĐ-CP ngày 09/8/2005 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập thị trấn Cửa Việt, thị trấn Cửa Việt được thành lập trên cơ sở tách các thôn: Hà Lộc, Tân Lợi của xã Gio Hải và các thôn: Long Hà, Đại Lộc, An Trung của xã Gio Việt. Vì vậy, việc nhập xã Gio Việt với thị trấn Cửa Việt phù hợp với thực tiễn nhằm mở rộng thị trấn Cửa Việt.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã có:

- Diện tích tự nhiên 10,45 km² (đạt 74,64% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 12.769 người (đạt 159,61% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Gio Mai, xã Gio Hải.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Tại trụ sở thị trấn Cửa Việt hoặc xã Gio Việt

2. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có

III. LÝ DO ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023-2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. ĐVHV cấp huyện: Thị xã Quảng Trị

Thị xã Quảng Trị có 05 ĐVHC cấp xã trực thuộc (04 phường và 01 xã) với diện tích tự nhiên 72,82 km² (đạt 36,41%), quy mô dân số 29.382 người (đạt 29,38%), thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021, trong giai đoạn 2019-2021 đề nghị cho giữ nguyên chưa sắp xếp do các yếu tố đặc thù về lịch sử hình thành, lịch sử truyền thống cách mạng, đặc biệt di tích Thành cổ Quảng Trị được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nơi điểm hẹn truyền thống của mọi thế hệ cựu chiến binh, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân khắp mọi miền của Tổ quốc. Cụ thể:

- Về lịch sử hình thành: Thị xã Quảng Trị là tỉnh lỵ cũ của tỉnh Quảng Trị, có nguồn gốc hình thành từ lâu đời, đến đầu thế kỷ XIX, năm 1802, sau khi lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu Gia Long, Nguyễn Ánh lập dinh Quảng Trị bao gồm đất đai các huyện Hải Lăng, Đăng Xương (tên cũ là Vũ Xương), Minh Linh và đạo Cam Lộ, năm 1827 dinh Quảng Trị đổi thành trấn Quảng Trị, năm 1831 trấn Quảng Trị đổi thành tỉnh Quảng Trị. Dinh lỵ tỉnh Quảng Trị ban đầu đóng tại làng Tiên Kiên (thuộc huyện Đăng Xương), năm 1809 được dời từ Tiên Kiên tới đóng tại xã Thạch Hãn (huyện Hải Lăng) vị trí của thị xã Quảng Trị hiện nay và tiến hành xây thành, đắp lũy cố định. Năm 1900, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách tỉnh Quảng Trị ra khỏi Thừa Thiên, thành lập tỉnh Quảng Trị riêng biệt. Ngày 17/02/1906, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập thị xã Quảng Trị và lấy thị xã Quảng Trị làm trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị.

Sau Hiệp định Giơnevơ, thị xã Quảng Trị nằm ở Nam vĩ tuyến 17, thuộc quyền kiểm soát của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Từ năm 1954 đến năm 1972, chính quyền Việt Nam Cộng hòa chọn thị xã Quảng Trị làm Tỉnh lỵ Quảng Trị, tập trung xây dựng thị xã Quảng Trị thành một căn cứ quân sự vững chắc làm tiền đồn phía Bắc để ngăn chặn mọi sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, tỉnh Quảng Trị được hợp nhất với tỉnh Quảng Bình và tỉnh Thừa Thiên Huế thành tỉnh Bình Trị Thiên. Tiếp đó hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng hợp nhất thành huyện Triệu Hải lấy thị xã Quảng Trị làm trung tâm huyện lỵ của huyện Triệu Hải gọi là thị trấn Triệu Hải. Ngày 18/5/1981, Hội đồng Chính phủ ra quyết định thành lập thị trấn Quảng Trị (bao gồm thị trấn Triệu Hải và xã Hải Trí).

Sau khi tỉnh Quảng Trị được lập lại vào ngày 01/7/1989, tỉnh Quảng Trị chọn Đông Hà làm thị xã tỉnh lỵ. Để lưu giữ tên tuổi thị xã tỉnh lỵ của một thời

kỳ hào hùng, oanh liệt, thể theo nguyện vọng của Đảng bộ, nhân dân tỉnh Quảng Trị và sự quan tâm của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, xu thế phát triển trong tình hình mới, ngày 16/9/1989, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 134/QĐ-HĐBT thành lập thị xã Quảng Trị gồm 02 phường với diện tích 6,341km². Ngày 19/3/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2008/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Hải Lăng và huyện Triệu Phong để mở rộng địa giới hành chính thị xã Quảng Trị, điều chỉnh địa giới hành chính các xã, phường để thành lập phường thuộc thị xã Quảng Trị với cơ cấu 04 phường và 01 xã.

- Về lịch sử truyền thống cách mạng: Nhân dân thị xã Quảng Trị luôn tự hào với lịch sử bao đời gắn bó bên nhau trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước viết nên những thiên anh hùng ca bất tử; gần 30 năm trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng bào chiến sĩ thị xã Quảng Trị đã phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vượt lên mọi thử thách, hy sinh, góp phần cùng với quân và dân trong cả tỉnh và cả nước lập nên những chiến công vang dội. Đặc biệt, cuộc tiến công chiến lược năm 1972 giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị vào ngày 01/5/1972 và cuộc chiến đấu ngoan cường 81 ngày đêm giữ vững Thành Cổ và thị xã Quảng Trị, đánh địch phản kích tái chiếm Quảng Trị, cùng với thắng lợi của quân và dân ta trên các chiến trường buộc địch phải ký Hiệp định Pari, làm nức lòng đồng bào chiến sĩ cả nước và bạn bè khắp năm châu. Những tên đất, tên làng như: Thành cổ, sông Thạch Hãn, Trường Bồ Đề, Tích Tường, Như Lệ đã đi vào lịch sử, trở thành biểu tượng của Chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân và lực lượng vũ trang thị xã Quảng Trị được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đặc biệt, di tích Thành cổ Quảng Trị được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nơi đây đã trở thành điểm hẹn truyền thống của mọi thế hệ cựu chiến binh, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân khắp mọi miền của Tổ quốc, với hàng trăm ngàn lượt người đến tham quan hàng năm, trở thành nơi có ý nghĩa quan trọng trong giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khơi dậy truyền thống yêu nước đối với các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau.

- Về kinh tế - xã hội: Phát huy lợi thế và vị trí địa lý, địa hình, trải qua các thời kỳ lịch sử, nhân dân thị xã Quảng Trị không ngừng nỗ lực lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và kiến thiết xây dựng quê hương. Bên cạnh nghề nông và các nghề truyền thống, việc giao lưu buôn bán ở thị xã Quảng Trị ngày càng mở rộng, kinh tế phát triển, đời sống của nhân dân thị xã được nâng lên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng kinh tế đô thị, diện mạo đô thị ngày càng phát triển, thị xã Quảng Trị trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam của tỉnh Quảng Trị.

Mặt khác, nghiên cứu các phương án sắp xếp đối với thị xã Quảng Trị hiện nay gặp một số khó khăn:

- Nếu sắp xếp điều chỉnh một số xã thuộc huyện Hải Lăng và huyện Triệu Phong để mở rộng thị xã Quảng Trị theo 01 trong 5 phương án sau đây thì thị xã

Quảng Trị vẫn chưa bảo đảm đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, số ĐVHC cấp xã trực thuộc, số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã, chưa bảo đảm tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), do đó không đảm bảo tiêu chuẩn ĐVHC đô thị theo khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35: “Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn”, cụ thể như sau:

+ *Phương án 1*: Sáp nhập xã Hải Quy, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong vào thị xã Quảng Trị. Thị xã Quảng Trị có quy mô dân số: 48,010 người, đạt 48,01 % so với quy định; Diện tích tự nhiên: 165,95 km², đạt 48,01 % so với quy định; Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: 08/10 đơn vị. Chưa đạt tiêu chuẩn ĐVHC đô thị thị xã theo quy định.

+ *Phương án 2*: Sáp nhập xã Hải Quy, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong vào thị xã Quảng Trị. Thị xã Quảng Trị có quy mô dân số: 51.195 người, đạt 51,20 % so với quy định; Diện tích tự nhiên: 105,59 km², đạt 52,80 % so với quy định; Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: 08/10 đơn vị. Chưa đạt tiêu chuẩn ĐVHC đô thị thị xã theo quy định.

+ *Phương án 3*: Sáp nhập xã Hải Quy, xã Hải Phú và xã Hải Thượng huyện Hải Lăng vào thị xã Quảng Trị. Thị xã Quảng Trị có quy mô dân số: 46,100 người, đạt 46,10 % so với quy định; Diện tích tự nhiên: 113,95 km², đạt 56,96 % so với quy định; số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: 08/10 đơn vị. Chưa đạt tiêu chuẩn ĐVHC đô thị thị xã theo quy định.

+ *Phương án 4*: Sáp nhập xã Hải Quy, xã Hải Phú, xã Hải Thượng huyện Hải Lăng và xã Triệu Thượng vào thị xã Quảng Trị. Thị xã Quảng Trị có quy mô dân số: 54,053 người, đạt 54,05 % so với quy định; Diện tích tự nhiên: 182,75 km², đạt 91,37 % so với quy định; Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: 09/10 đơn vị, trong đó có 05 xã, 04 phường. Chưa đạt tiêu chuẩn ĐVHC đô thị thị xã về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, số ĐVHC trực thuộc, số phường trên tổng số ĐVHC trực thuộc.

+ *Phương án 5*: Sáp nhập xã Hải Quy, xã Hải Phú, xã Hải Thượng huyện Hải Lăng; xã Triệu Thượng, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong vào thị xã Quảng Trị. Thị xã Quảng Trị có quy mô dân số: 65.191 người, đạt 65,19 % so với quy định; Diện tích tự nhiên: 191,22 km², đạt 95,61 % so với quy định; Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: 10/10 đơn vị, trong đó có 06 xã, 04 phường. Chưa đạt tiêu chuẩn ĐVHC đô thị thị xã về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã trực thuộc.

Theo số liệu hiện nay, huyện Triệu Phong không thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030, nhưng nếu thực hiện theo các phương án 1, 2, 3 và 5 thì huyện Triệu Phong thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030.

- Nếu sắp xếp nhập nguyên trạng thị xã Quảng Trị với 01 huyện (Hải Lăng hoặc Triệu Phong) thì ĐVHC mới sẽ không bảo đảm các yếu tố về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị thị xã theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), do đó không đảm bảo tiêu chuẩn ĐVHC đô thị theo khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35: *“Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn”*. Hiện nay chỉ có quy định việc nhập ĐVHC nông thôn vào ĐVHC đô thị, không có quy định việc nhập ĐVHC đô thị vào ĐVHC nông thôn.

Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị xem xét chuyển thị xã Quảng Trị sang sắp xếp trong giai đoạn sau năm 2030, đồng thời với việc thành lập thị xã Hải Lăng theo Quy hoạch tỉnh đã được Hội đồng thẩm định Trung ương thông qua.

2. ĐVHC cấp xã:

2.1. Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh:

Xã Vĩnh Thái có diện tích tự nhiên: 14,46 km² (đạt 48,20%); Quy mô dân số: 3.834 người (đạt 47,93%);

Tiếp giáp với các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm xã: Kim Thạch, Trung Nam, Vĩnh Tú và huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Được xác định là xã có yếu tố đặt thù theo điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35: *“Có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*. Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thái là một xã thuộc khu vực biên giới biển (theo quy định tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP) có chiều dài gần 15 km (trên tổng số 28 km đường bờ biển của toàn huyện), ngoài phần diện tích tự nhiên đất liền 14,48 km² đạt 48,20% thì xã Vĩnh Thái còn quản lý phần diện tích biển;

- Hoạt động, sản xuất của người dân xã Vĩnh Thái chủ yếu là đánh bắt hải sản để sinh sống, diện tích sản xuất nông nghiệp (lúa nước) của toàn xã chỉ có 30 ha (khác với các xã có ĐGHHC liền kề là xã Trung Nam (đã sắp xếp giai đoạn 2019-2021) và xã Vĩnh Tú là các xã thuộc vùng gò đồi chuyên trồng cây lâm nghiệp, cao su, các loại hoa màu khác);

- Khoảng cách từ thôn Tân Thuận xã Vĩnh Thái đến trụ sở xã Vĩnh Tú và từ thôn Mạch Nước đến trụ sở xã Trung Nam trên 15 km, đường giao thông và phương tiện đi lại còn nhiều khó khăn; phong tục, tập quán của người dân miền biển hoàn toàn khác với những miền quê khác;

- Ngoài ra Vĩnh Thái còn đảm nhiệm nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới biển vì đây là xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh: trước năm 2022 xã Vĩnh Thái là xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số

2981/QĐ-BQP ngày 26/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định số 3260/QĐ-BCA ngày 11/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an và nay xã Vĩnh Thái vẫn thuộc xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng.

- Những năm gần đây tình hình ô nhiễm môi trường, an ninh, trật tự ở xã Vĩnh Thái phức tạp như việc ô nhiễm môi trường biển do xả thải của các nhà máy công nghiệp lớn, fomosa, đánh bắt hải sản trái phép, sự cố tràn dầu của các phương tiện lưu thông trên biển, việc buôn bán ma túy bằng đường biển ngày càng phức tạp (các thùng hàng chứa ma túy trôi dạt vào bờ biển xã Vĩnh Thái).

- Trước tình hình diễn biến phức tạp về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở xã Vĩnh Thái, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch vùng chức năng vùng bờ đến năm 2030 (*Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị*), trong đó xác định vùng bờ phải bảo vệ, phát triển kinh tế-xã hội là các xã dọc biên giới biển thuộc tỉnh trong đó có Vĩnh Thái để có cơ sở đầu tư xây dựng, bảo vệ.

Vì vậy, từ những lý do như đã nêu trên, nếu sắp xếp xã Vĩnh Thái với ĐVHC liền kề khác thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý cũng như có nguy cơ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội vì bảo đảm an ninh, trật tự ở khu vực biên giới biển là nhiệm vụ rất phức tạp, diễn ra trên địa bàn đặc thù và được thực hiện bằng sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan, ban ngành nên đề xuất không thực hiện sắp xếp.

2.2. Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh

Xã Vĩnh Hòa có diện tích tự nhiên: 15,07 km² (đạt 50,22%); quy mô dân số: 4.521 người (đạt 56,51%); tiếp giáp với các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm xã: Kim Thạch, Trung Nam, Hiền Thành, Vĩnh Lâm và thị trấn Hồ Xá.

Hiện nay, việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của huyện Vĩnh Linh đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC xã Vĩnh Hòa, cụ thể:

- Theo Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân xã Vĩnh Hòa thì xã có địa giới ĐVHC đã hình thành và ổn định từ năm 1954 đến nay chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào và các xã, thị trấn liền kề với xã Vĩnh Hòa đều có yếu tố đặc thù theo Điều 3, Nghị quyết số 35 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Các xã Hiền Thành, Trung Nam, Kim Thạch là các ĐVHC liền kề với xã Vĩnh Hòa đã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019-2021 (*thuộc các xã có yếu tố đặc thù theo khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 35: các xã đã được sắp xếp trong gian đoạn 2019-2021*) còn nhiều khó khăn, bất cập chưa được giải quyết hết như trụ sở làm việc, cán bộ, công chức dôi dư, Trạm y tế chưa bố trí được ở vị trí trung tâm làm ảnh hưởng đến đời sống người dân trong việc khám chữa bệnh và thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính, nếu tiếp tục sắp xếp với xã Hiền Thành, Trung Nam, Kim Thạch thì việc đặt tên ĐVHC mới cũng khó khăn do các xã mới sắp xếp giai đoạn 2019-2021 nay không thuộc diện sắp xếp, việc

chuyển đổi các loại giấy tờ cho Nhân dân lại tiếp tục phải thực hiện gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân;

- Nếu sắp xếp, sáp nhập với thị trấn Hồ Xá thì có những bất cập sau:

+ Không đảm bảo nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 35: *"Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan"*, vì không phù hợp với Quy hoạch chung thị trấn Hồ Xá đến năm 2035, định hướng đến năm 2040 theo Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chung thị trấn Hồ Xá đến năm 2035, định hướng đến năm 2040.

+ Nếu nhập nguyên trạng xã Vĩnh Hòa là xã thuần nông, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu vào thị trấn Hồ Xá thì thị trấn mới sẽ không bảo đảm về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), do đó không đảm bảo tiêu chuẩn ĐVHC đô thị theo khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35: *"Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn"*.

+ Thị trấn Hồ Xá là trung tâm kinh tế, chính trị của huyện, trước năm 2022 thị trấn hồ xá là thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2981/QĐ-BQP ngày 26/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và nay thị trấn Hồ Xá vẫn thuộc thị trấn trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, vì vậy nếu sắp xếp thêm cả xã Vĩnh Hòa hoặc 01 phần xã Vĩnh Hòa thì sẽ khó khăn cho công tác quản lý về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng phức tạp như hiện nay (do thị trấn Hồ Xá là thị trấn có yếu tố đặt thù theo điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35: *"Có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội"*).

- Nếu sắp xếp một phần xã Vĩnh Hòa (01 thôn) với thị trấn Hồ Xá và một phần xã Vĩnh Hòa (03 thôn) với xã Hiền Thành thì việc chia tách xã Vĩnh Hòa để sắp xếp vào 02 ĐVHC khác sẽ khó khăn trong việc tổ chức lấy ý kiến cử tri do cử tri chưa đồng thuận chia tách xã Vĩnh Hòa trong sắp xếp ĐVHC xã và việc tăng thêm diện tích, dân số cũng như sẽ khó khăn cho công tác quản lý về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng phức tạp như hiện nay;

- Nếu sắp xếp với xã Vĩnh Lâm thì khoảng cách dân cư xa, giao thông đi lại khó khăn do cách trở sông Sa Lung, vì vậy sẽ không thuận lợi cho Nhân dân trong giải quyết TTHC và khó khăn trong công tác quản lý nhà nước gây ảnh

hường đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; ngoài ra phong tục, tập quán của 2 địa phương cũng hoàn toàn khác biệt nhau do xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất nông nghiệp khác nhau (*xã Vĩnh Lâm chủ yếu sản xuất lúa nước, xã Vĩnh Hòa chủ yếu là cây lâm nghiệp như keo lá tràm, cây công nghiệp như hồ tiêu, cao su, cây màu ngắn ngày như khoai, môn, lạc*).

Với những lý do như đã trình bày ở trên, UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị chưa thực hiện sắp xếp ĐVHC xã Vĩnh Hòa trong giai đoạn 2023-2025. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo huyện Vĩnh Linh tập trung đầu tư đối với xã Vĩnh Hòa để tiệm cận dần với tiêu chuẩn đô thị, đồng thời nghiên cứu đề xuất điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng thị trấn Hồ Xá để có thể sắp xếp ĐVHC xã Vĩnh Hòa trong giai đoạn sau.

2.3. Xã Trung Giang, huyện Gio Linh

Xã Trung Giang có diện tích tự nhiên 10,77 km² (đạt 35,9% tiêu chuẩn quy định); quy mô dân số 4.955 người (đạt 61,94% tiêu chuẩn quy định); tiếp giáp với các xã: Trung Hải, Gio Mỹ, Gio Hải (xã Gio Hải đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021). UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị không sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 vì lý do:

Xã Trung Giang là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, là xã biên giới biển.

Nếu thực hiện sắp xếp nhập với xã Trung Hải thì xã mới sẽ kéo dài theo hướng Đông - Tây từ cửa biển Cửa Tùng đến Quốc lộ 1A khoảng 14 km, và theo hướng Bắc - Nam từ cửa biển Cửa Tùng đến giáp xã Gio Hải khoảng trên 07 km, sẽ khó khăn trong quản lý an ninh, trật tự khu vực di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương- Bến Hải (trên tuyến Quốc lộ IA) và đảm bảo quốc phòng, an ninh biên giới biển trong giai đoạn hiện nay.

Nếu thực hiện sắp xếp nhập với xã Gio Mỹ thì không phù hợp vì người dân xã Trung Giang thuộc miền biển kinh tế chủ yếu đánh bắt thủy hải sản, xã Gio Mỹ là xã thuần nông trồng lúa nước, phong tục, tập quán sinh hoạt của nhân dân hai xã có sự khác biệt, mặt khác khi nhập với xã Gio Mỹ thì ĐVHC xã mới có địa bàn rộng, khó bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế- xã hội.

Do đó, xã Trung Giang thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp ĐVHC theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 "*Có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*".

2.4. Xã Trung Hải, huyện Gio Linh

Xã Trung Hải có diện tích tự nhiên 14,47 km² (đạt 48,23% tiêu chuẩn quy định); quy mô dân số 5.090 người (đạt 63,63% tiêu chuẩn quy định); tiếp giáp với các xã: Trung Giang, Gio Mỹ, Phong Bình và Trung Sơn. UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị chưa sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 vì các lý do:

- Xã Trung Hải là xã nằm ở phía Bắc của huyện Gio Linh, xã có quần thể di tích Quốc gia hạng đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương- Bến Hải theo Quyết định số 2382/QĐ-TTg ngày 09/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ; xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ và là một trong 04 xã gốc của huyện Gio Linh qua các thời kỳ.

- Nghiên cứu phương án sắp xếp đối với xã Trung Hải gặp khó khăn, đó là:

+ Nếu nhập với một trong các xã: Gio Mỹ, Phong Bình hoặc Trung Sơn thì địa bàn không thuận lợi, tổ chức ĐVHC xã mới không hợp lý, khó khăn cho công tác quản lý và đi lại giao dịch của người dân. Trong đó xã Phong Bình là xã đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 nên không sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025.

+ Sắp xếp nhập xã Trung Hải với xã Trung Giang là phương án khả thi và tối ưu nhất. Tuy nhiên xã Trung Giang là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, là xã biên giới biển. Nếu thực hiện sáp nhập thì xã mới sẽ kéo dài theo hướng Đông - Tây từ cửa biển Cửa Tùng đến Quốc lộ 1A khoảng 14km, và theo hướng Bắc - Nam từ cửa biển Cửa Tùng đến giáp xã Gio Hải khoảng trên 07 km, sẽ khó khăn trong quản lý an ninh, trật tự khu vực di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương- Bến Hải (trên tuyến Quốc lộ 1A) và đảm bảo quốc phòng, an ninh biên giới biển trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, khó khăn cho Nhân dân trong thực hiện các giao dịch hành chính.

- Trong giai đoạn 2019-2021, huyện Gio Linh đã thực hiện sắp xếp 09 ĐVHC cấp xã (giảm 04 xã), các xã mới hình thành sau sắp xếp chưa giải quyết xong các vấn đề khó khăn về trụ sở làm việc, chuyển đổi giấy tờ cho người dân, đặc biệt là số lượng cán bộ, công chức dôi dư còn lớn (16 người) phải tiếp tục giải quyết từ nay đến ngày 31/12/2024. Trong giai đoạn 2023-2025, huyện Gio Linh có 07 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, nếu thực hiện sắp xếp 7/7 xã thuộc diện sắp xếp và 02 thị trấn liên quan phương án sắp xếp thì số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã toàn huyện dôi dư rất lớn, việc giải quyết dôi dư gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị chuyển xã Trung Hải sang sắp xếp trong giai đoạn sau để giảm áp lực giải quyết các vấn đề về trụ sở làm việc, dôi dư cán bộ, công chức cho địa phương.

2.5. Xã Hải Phú, huyện Hải Lăng:

Xã Trung Hải có diện tích tự nhiên 17,38 km² (đạt 57,93% tiêu chuẩn quy định); quy mô dân số 5.397 người (đạt 67,46% tiêu chuẩn quy định); tiếp giáp với các xã: Hải Thượng, Hải Quy và Hải Lâm. UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị không sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 vì lý do:

- Xã Hải Phú là xã trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trên địa bàn có cơ sở tôn giáo lớn là Nhà thờ La Vang, nơi trung tâm hành hương của đồng bào giáo dân trong và ngoài nước, nếu nhập với ĐVHC khác sẽ dễ dẫn đến mất ổn

định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp ĐVHC theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 *“Có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*.

- Xã Hải Phú đã được quy hoạch đô thị mới La Vang theo Quy hoạch tỉnh và UBND tỉnh đã phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng tại quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 31/3/2023, đảm tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên của thị trấn nên thuộc trường hợp không bắt buộc phải sắp xếp theo điểm d, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.6. Xã Hải Quy, huyện Hải Lăng

Xã Hải Quy có diện tích tự nhiên 6,93 km² (đạt 23,10% tiêu chuẩn quy định); quy mô dân số 5.278 người (đạt 65,98% tiêu chuẩn quy định); tiếp giáp với các xã: Hải Hưng, Hải Thượng và Hải Phú. UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị chưa sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 vì lý do không thể sắp xếp nhập với các ĐVHC cùng cấp liền kề, cụ thể:

- Xã Hải Hưng mới thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 thuộc trường hợp không bắt buộc phải sắp xếp theo khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mặt khác, sau sắp xếp, xã Hải Hưng chưa giải quyết xong các vấn đề khó khăn về trụ sở làm việc, giải quyết cán bộ, công chức dôi dư, chuyển đổi giấy tờ cho người dân, nếu sắp xếp thì địa phương sẽ càng khó khăn hơn.

- Xã Hải Phú thuộc diện sắp xếp giai đoạn năm 2023-2025 nhưng đã được quy hoạch đô thị thị trấn La Vang theo Quy hoạch tỉnh và UBND tỉnh đã phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng tại quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 31/3/2023, đảm tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên của thị trấn nên thuộc trường hợp không bắt buộc phải sắp xếp theo điểm d, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xã Hải Thượng tiếp giáp với xã Hải Quy nhưng qua nghiên cứu thực địa, việc kết nối giao thông giữa hai xã rất khó khăn, khu vực tiếp giáp chủ yếu đất mả, khó xây dựng đường kết nối giao thông liên thông giữa hai xã. Từ xã Hải Quy đi xã Hải Thượng phải đi qua một xã khác (xã Hải Phú), nếu nhập 02 xã với nhau thì tổ chức ĐVHC xã mới không hợp lý, không thuận lợi cho người dân, cũng như công tác quản lý của chính quyền.

Vì vậy, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, cho chuyển sang sắp xếp trong giai đoạn sau cùng với việc sắp xếp mở rộng thị xã Quảng Trị (Hải Quy, huyện Hải Lăng tiếp giáp với thị xã Quảng Trị).

2.7. Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

Thị trấn Ái Tử có diện tích tự nhiên 3,5 km² (đạt 25,03% tiêu chuẩn quy định); quy mô dân số 5.538 người (đạt 69,23% tiêu chuẩn quy định); tiếp giáp

với các xã: Triệu Long, Triệu Thượng và Triệu Ái. UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị chưa sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 vì lý do:

- Thị trấn Ái Tử là đơn vị trọng điểm về Quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có vị trí nằm giữa hai trung tâm chính trị, hành chính lớn của tỉnh Quảng Trị là thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị, nếu sắp xếp thị trấn Ái Tử với một đơn vị hành chính liền kề sẽ dễ ảnh hưởng đến tình hình quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp ĐVHC theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

- Nghiên cứu phương án sắp xếp đối với thị trấn Ái Tử trong giai đoạn này khó bảo đảm quy định, cụ thể:

+ Nếu nhập thị trấn Ái Tử với xã Triệu Long là xã thuần nông với lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, cơ sở hạ tầng còn hạn chế, cách nhau con sông Thạch Hãn thì sẽ không bảo đảm về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), do đó không đảm bảo tiêu chuẩn ĐVHC đô thị theo khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35: *“Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn”*.

+ Nếu sáp nhập thị trấn Ái Tử với xã Triệu Ái hoặc xã Triệu Thượng là những xã vùng gò đồi, có diện tích tự nhiên lớn, mật độ dân số thấp, thuần nông với lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, cơ sở hạ tầng còn hạn chế thì sẽ không bảo đảm về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), do đó không đảm bảo tiêu chuẩn ĐVHC đô thị theo khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35: *“Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn”*.

- Hiện nay huyện Triệu Phong chỉ có 01 thị trấn, huyện đang tập trung xây dựng thị trấn Ái Tử đạt tiêu chuẩn đô thị văn minh, đáp ứng tiêu chí Huyện nông thôn mới vào cuối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ huyện Triệu Phong và kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Nếu sắp xếp thêm một đơn vị hành chính khác thì thị trấn Ái Tử không đạt về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị, tiêu chuẩn đô thị văn minh và huyện không đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Về giải pháp trong thời gian tới: UBND tỉnh tập trung chỉ đạo huyện Triệu Phong tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội cho các xã vùng lân

cận tiệm cận với quy định về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị đối với thị trấn, định hướng mở rộng không gian đô thị thị trấn Ái Tử, để có thể thực hiện sắp xếp đối với thị trấn Ái Tử trong giai đoạn sau.

2.8. Phường An Đôn, thị xã Quảng Trị:

Phường An Đôn nằm phía bờ Bắc sông Thạch Hãn, có vị trí biệt lập với các ĐVHC cùng cấp thuộc thị xã Quảng Trị qua con sông Thạch Hãn, việc tổ chức giao thông gặp khó khăn, khó kết nối giữa phường An Đôn với các ĐVHC cùng cấp, nên không thuộc diện bắt buộc sắp xếp theo điểm a, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

IV. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ DỰ KIẾN HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

Theo phương án, kết quả sau khi sắp xếp có:

- 03 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đạt trên 100% cả 02 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số.

- 03 ĐVHC cấp xã có 01 tiêu chuẩn đạt trên 100%, tiêu chuẩn còn lại đạt trên 70% theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- 01 ĐVHC cấp xã chưa đạt 100% cả 02 tiêu chuẩn (ĐVHC xã mới sau khi nhập thôn Hà Thanh, xã Gio Châu vào xã Gio Quang có diện tích tự nhiên 26,58km², đạt tỷ lệ 88,6%; quy mô dân số 5.040 người, đạt tỷ lệ 63%).

UBND tỉnh Quảng Trị giải trình như sau:

1. Đối với 03 ĐVHC cấp xã có 01 tiêu chuẩn đạt trên 100%, tiêu chuẩn còn lại đạt trên 70% theo quy định:

1.1. ĐVHC xã mới hình thành sau khi nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong với xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong có diện tích tự nhiên 29,08 km² (đạt 96,92% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 10.180 người (đạt 127,25% so với tiêu chuẩn) nhưng không thể nhập thêm ĐVHC cùng cấp khác vì lý do:

ĐVHC xã mới hình thành có diện tích gần đạt tiêu chuẩn (đạt 96,92% so với tiêu chuẩn), có các ĐVHC cùng cấp liền kề gồm: Xã Triệu Vân, xã Triệu Trạch, xã Triệu Trung, xã Triệu Tài.

Trong đó, xã Triệu Vân đã có phương án sắp xếp nhập với xã Triệu An; xã Triệu Trung và xã Triệu Tài thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030, nếu sắp xếp thêm một trong hai xã này thì giai đoạn sau sẽ khó xây dựng phương án sắp xếp; xã Triệu Trạch có diện tích lớn 33,83 km² (đạt 112,77% tiêu chuẩn quy định), nếu nhập thêm xã Triệu Trạch thì ĐVHC xã mới có diện tích quá lớn.

1.2. ĐVHC xã mới hình thành sau khi nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong với xã Triệu An, huyện Triệu Phong có diện tích tự nhiên 24,56 km² (đạt 81,85% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 12.076 người (đạt 150,95% so với tiêu chuẩn) nhưng không thể nhập thêm ĐVHC cùng cấp khác vì lý do:

ĐVHC xã mới có các ĐVHC cùng cấp liền kề gồm: Xã Triệu Lăng, xã Triệu Trạch và xã Triệu Phước.

Xã Triệu Vân và xã Triệu An là 02 xã vùng bãi ngang ven biển; nên về phong tục, tập quán sinh hoạt và ngành nghề sinh sống của người dân ở ĐVHC mới hình thành khác với xã Triệu Trạch và xã Triệu Phước.

Mặt khác, xã Triệu Trạch có diện tích lớn (33,83 km², đạt 112,77% tiêu chuẩn quy định) nếu nhập thêm xã Triệu Trạch thì ĐVHC xã mới có diện tích quá lớn, địa bàn rộng; xã Triệu Phước có đường địa giới tiếp giáp ngắn nên nếu nhập với xã ĐVHC xã mới thì khó tổ chức giao thông sau khi sắp xếp.

1.3. Thị trấn mới hình thành sau khi nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Gio Việt, huyện Gio Linh với thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh có diện tích tự nhiên 10,45 km² (đạt 74,64% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 12.769 người (đạt 159,61% so với tiêu chuẩn) nhưng không thể nhập thêm ĐVHC cùng cấp khác vì lý do:

Thị trấn mới có các ĐVHC cùng cấp liền kề gồm: Xã Gio Mai, xã Gio Hải, cả 02 xã đều thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn về trụ sở, đội dư cán bộ, công chức chưa giải quyết xong, mặt khác nếu nhập thêm một xã khác thì không đảm bảo cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

2. Đối với 01 ĐVHC cấp xã chưa đạt 100% cả 02 tiêu chuẩn

ĐVHC xã mới sau khi nhập thôn Hà Thanh, xã Gio Châu vào xã Gio Quang có diện tích tự nhiên 26,58km², đạt tỷ lệ 88,6%; quy mô dân số 5.040 người, đạt tỷ lệ 63% nhưng không thể nhập thêm ĐVHC cùng cấp khác vì lý do:

- Xã Gio Quang giáp ranh với các xã: Gio Mai, Gio Châu, Linh Hải, Gio Hải, trong đó xã Gio Mai và xã Gio Hải là 02 xã đã sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021, xã Linh Hải đã có phương án nhập với xã Gio Sơn.

- Khu công nghiệp của tỉnh (khu công nghiệp Quán Ngang) và khu vực quy hoạch sân bay Quảng Trị nằm trên địa bàn xã Gio Quang, định hướng trong Quy hoạch tỉnh đã được Hội đồng thẩm định Trung ương thông qua sẽ phát triển khu vực này thành ĐVHC đô thị. Hiện nay có các doanh nghiệp quy mô khá lớn, số lượng lao động nhiều, trên địa bàn triển khai một số dự án nhà ở xã hội sẽ thu hút số lượng lớn lao động đến sinh sống và làm việc tại khu vực này. Khi hình thành ĐVHC đô thị trên cơ sở xã Gio Quang sẽ đáp ứng đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định.

V. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện 10 đơn vị (gồm 08 huyện, 01 thành phố, 01 thị xã).
- b) ĐVHC cấp xã 125 đơn vị (gồm 101 xã, 13 phường, 11 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện 10 đơn vị (gồm 08 huyện, 01 thành phố, 01 thị xã).

b) ĐVHC cấp xã 119 đơn vị (gồm 95 xã, 13 phường, 11 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện giảm 0 đơn vị..

b) ĐVHC cấp xã giảm 06 đơn vị (gồm 06 xã).

VI. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

a) Năm 2023:

- Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Xây dựng trình Bộ Nội vụ Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 (sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ).

- Tổ chức lấy ý kiến cử tri của các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

- Trình HĐND các cấp thông qua Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

b) Năm 2024:

- Trình Chính phủ, Bộ Nội vụ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

+ Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

+ Tập trung giải quyết dứt điểm chế độ, chính sách dôi dư tại các xã đã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019- 2021; giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, đơn vị ở ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

a) Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho địa phương nhận hỗ trợ bổ sung cân đối ngân sách với định mức 500 triệu đồng cho một ĐVHC cấp xã giảm để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ việc sắp xếp ĐVHC.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/4/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 19/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Quảng Trị đã nghiêm túc chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 theo quy định.

Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025 được chuẩn bị thận trọng, chu đáo, đảm bảo theo đúng quy định và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị thảo luận thống nhất, đây là Phương án sắp xếp tối ưu, vừa đảm bảo nguyên tắc sắp xếp ĐVHC theo quy định, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Nếu được các Bộ, ngành Trung ương đồng thuận, thống nhất thì việc triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC sẽ rất thuận lợi và có tính khả thi cao.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm xem xét, sớm có ý kiến về Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025 để địa phương kịp thời triển khai thực.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, có ý kiến để UBND tỉnh Quảng Trị tổ chức lập hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC. W

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng



THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Phương án số **6323**/PA-UBND ngày **28**/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	CÁC XÃ										
1	Xã Thanh An	Huyện Cam Lộ			24	0.25		27.55	91.83	9,644	120.55
2	Xã Cam Thủy	Huyện Cam Lộ			19	0.33		20.85	69.50	5,780	72.25
3	Xã Cam Tuyền	Huyện Cam Lộ	x		376	6.24		103.29	206.58	6,030	120.60
4	Xã Cam Hiếu	Huyện Cam Lộ			18	0.28		25.68	85.60	6,491	81.14
5	Xã Cam Thành	Huyện Cam Lộ	x		25	0.30		43.70	87.40	8,455	169.10
6	Xã Cam Chính	Huyện Cam Lộ	x		17	0.31		56.26	112.52	5,531	110.62
7	Xã Cam Nghĩa	Huyện Cam Lộ	x		29	0.46		55.86	111.72	6,259	125.18
8	Xã Gio An	Huyện Gio Linh			11	0.25		26.48	88.27	4,377	54.71
9	Xã Gio Sơn	Huyện Gio Linh			24	0.45		14.05	46.83	5,361	67.01
10	Xã Gio Châu	Huyện Gio Linh			7	0.15		17.18	57.27	4,728	59.10
11	Xã Gio Hải	Huyện Gio Linh			23	0.32	ĐBK	19.59	65.30	7,156	178.90
12	Xã Linh Hải	Huyện Gio Linh			4	0.14		20.5	68.33	2,924	36.55
13	Xã Gio Mai	Huyện Gio Linh			11	0.16		20.79	69.30	6,805	85.06
14	Xã Trung Hải	Huyện Gio Linh			20	0.39		14.47	48.23	5,090	63.63
15	Xã Phong Bình	Huyện Gio Linh			43	0.59		23.78	79.27	7,238	90.48
16	Xã Hải Thái	Huyện Gio Linh	x		19	0.40		25.32	50.64	4,722	94.44

Số TT	Tên DVHC cấp huyện	Thuộc DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
17	Xã Trung Sơn	Huyện Gio Linh			12	0.20		29.52	98.40	5,903	73.79
18	Xã Linh Trường	Huyện Gio Linh	x		2809	90.55		182.24	364.48	3,102	248.16
19	Xã Gio Việt	Huyện Gio Linh			9	0.14		3.57	11.90	6,558	81.98
20	Xã Gio Mỹ	Huyện Gio Linh			10	0.17		29.72	99.07	5,938	74.23
21	Xã Trung Giang	Huyện Gio Linh			17	0.34		10.77	35.90	4,955	61.94
22	Xã Gio Quang	Huyện Gio Linh			13	0.36		18.33	61.10	3,584	44.80
23	Xã A Bung	Huyện Dakrông	x		3907	95.71	B. Giới	106.83	213.65	4,082	408.20
24	Xã A Vao	Huyện Dakrông	x		3359	97.56	B. Giới	77.13	154.25	3,443	344.30
25	Xã A Ngo	Huyện Dakrông	x		3442	89.43	B. Giới	49.39	98.77	3,849	384.90
26	Xã Tà Rụt	Huyện Dakrông	x		4300	83.38		60.62	121.24	5,157	412.56
27	Xã Húc Nghi	Huyện Dakrông	x		1801	96.05		135.40	270.80	1,875	187.50
28	Xã Tà Long	Huyện Dakrông	x		4067	97.62	B. Giới	184.95	369.91	4,166	416.60
29	Xã Ba Nang	Huyện Dakrông	x		3481	100.29	B. Giới	65.03	130.06	3,471	347.10
30	Xã Dakrông	Huyện Dakrông	x		6390	98.41		109.30	218.60	6,493	649.30
31	Xã Mò Ó	Huyện Dakrông	x		1524	74.52		25.28	50.55	2,045	136.33
32	Xã Ba Lòng	Huyện Dakrông	x		823	21.90		157.47	314.94	3,758	75.16
33	Xã Triệu Nguyễn	Huyện Dakrông	x		5	0.37		53.11	106.22	1,358	27.16
34	Xã Hưông Hiệp	Huyện Dakrông	x		5115	86.17		141.88	283.77	5,936	474.88
35	Xã Hải Phú	Huyện Hải Lăng			9	0.17		17.38	57.93	5,397	67.46
36	Xã Hải Thương	Huyện Hải Lăng			8	0.13		16.80	55.99	6,043	75.54
37	Xã Hải Lâm	Huyện Hải Lăng			2	0.04		82.71	275.70	4,701	58.76
38	Xã Hải Trường	Huyện Hải Lăng			12	0.17		44.67	148.90	6,966	87.08
39	Xã Hải Sơn	Huyện Hải Lăng			6	0.11		56.83	189.43	5,692	71.15

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
40	Xã Hải Chánh	Huyện Hải Lăng			30	0.33		38.39	127.98	8,998	112.48
41	Xã Hải Phong	Huyện Hải Lăng			12	0.11		19.62	65.40	10,697	133.71
42	Xã Hải Dương	Huyện Hải Lăng			13	0.21		24.17	80.56	6,165	77.06
43	Xã Hải Ba	Huyện Hải Lăng			11	0.17		22.72	75.72	6,557	81.96
44	Xã Hải Định	Huyện Hải Lăng			10	0.15		18.70	62.32	6,592	82.40
45	Xã Hải Hưng	Huyện Hải Lăng			17	0.17		19.18	63.92	10,220	127.75
46	Xã Hải An	Huyện Hải Lăng			24	0.38	ĐBKK	11.20	37.32	6,343	158.58
47	Xã Hải Khê	Huyện Hải Lăng			14	0.33	ĐBKK	8.45	28.18	4,215	105.38
48	Xã Hải Quế	Huyện Hải Lăng			7	0.15		15.02	50.07	4,625	57.81
49	Xã Hải Quy	Huyện Hải Lăng			15	0.28		6.93	23.10	5,278	65.98
50	Xã Tân Thành	Huyện Hướng Hóa	x		738	18.15	B. Giới	45.71	91.42	4,065	162.60
51	Xã Tân Long	Huyện Hướng Hóa	x		505	9.94	B. Giới	20.15	40.30	5,078	203.12
52	Xã Thanh	Huyện Hướng Hóa	x		4284	98.87	B. Giới	21.22	42.44	4,333	433.30
53	Xã Thuận	Huyện Hướng Hóa	x		3078	80.98	B. Giới	22.11	44.22	3,801	253.40
54	Xã Lìa	Huyện Hướng Hóa	x		5556	98.21	B. Giới	28.36	56.72	5,657	452.56
55	Xã A Dơi	Huyện Hướng Hóa	x		2859	78.01	B. Giới	29.38	58.76	3,665	244.33
56	Xã Xy	Huyện Hướng Hóa	x		2497	97.96	B. Giới	21.30	42.60	2,549	254.90
57	Xã Ba Tầng	Huyện Hướng Hóa	x		4393	99.86	B. Giới	61.73	123.46	4,399	87.98
58	Xã Tân Lập	Huyện Hướng Hóa	x		1314	24.84		19.53	39.06	5,290	105.80
59	Xã Tân Liên	Huyện Hướng Hóa	x		541	10.61		12.94	25.88	5,101	102.02
60	Xã Húc	Huyện Hướng Hóa	x		4095	96.24		63.36	126.72	4,255	425.50
61	Xã Hướng Lộc	Huyện Hướng Hóa	x		3319	95.95		50.72	101.44	3,459	345.90
62	Xã Tân Hợp	Huyện Hướng Hóa	x		279	4.98		33.45	66.90	5,597	111.94

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
63	Xã Hương Tân	Huyện Hương Hòa	x		2554	66.48		25.11	50.22	3,842	219.54
64	Xã Hương Linh	Huyện Hương Hòa	x		2560	99.73		114.65	229.30	2,567	256.70
65	Xã Hương Phùng	Huyện Hương Hòa	x		3263	51.72	B. Giới	125.10	250.20	6,309	252.36
66	Xã Hương Sơn	Huyện Hương Hòa	x		2470	98.37		207.84	415.68	2,511	251.10
67	Xã Hương Việt	Huyện Hương Hòa	x		1609	99.02	B. Giới	59.44	118.88	1,625	162.50
68	Xã Hương Lập	Huyện Hương Hòa	x		1781	97.96	B. Giới	160.20	320.40	1,818	181.80
69	Xã Triệu An	Huyện Triệu			22	0.26		13.90	46.32	8,391	104.89
70	Xã Triệu Vân	Huyện Triệu			11	0.30		10.66	35.53	3,712	46.40
71	Xã Triệu Phước	Huyện Triệu			14	0.18		17.20	57.33	7,941	99.26
72	Xã Triệu Độ	Huyện Triệu			8	0.11		10.25	34.18	7,027	87.84
73	Xã Triệu Trạch	Huyện Triệu			11	0.16		33.83	112.77	7,030	87.88
74	Xã Triệu Thuận	Huyện Triệu			11	0.16		7.03	23.42	6,907	86.34
75	Xã Triệu Đại	Huyện Triệu			10	0.15		9.21	30.71	6,503	81.29
76	Xã Triệu Hoà	Huyện Triệu			18	0.26		10.71	35.71	7,035	87.94
77	Xã Triệu Lăng	Huyện Triệu			13	0.23		11.43	38.09	5,555	69.44
78	Xã Triệu Sơn	Huyện Triệu			7	0.15		17.65	58.83	4,625	57.81
79	Xã Triệu Long	Huyện Triệu			22	0.28		8.98	29.93	7,840	98.00
80	Xã Triệu Tài	Huyện Triệu			9	0.15		6.66	22.19	6,098	76.23
81	Xã Triệu Trung	Huyện Triệu			9	0.15		7.33	24.44	6,040	75.50
82	Xã Triệu Ái	Huyện Triệu			18	0.30		100.70	335.67	5,980	74.75
83	Xã Triệu Thượng	Huyện Triệu			7	0.09		68.82	229.41	7,953	99.41
84	Xã Triệu Giang	Huyện Triệu			9	0.15		7.06	23.53	5,859	73.24
85	Xã Triệu Thành	Huyện Triệu			22	0.20		8.47	28.22	11,138	139.23

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
86	Xã Hiền Thành	Huyện Vĩnh Linh			15	0.23		17.38	57.94	6,457	80.71
87	Xã Trung Nam	Huyện Vĩnh Linh			21	0.31		23.05	76.84	6,819	85.24
88	Xã Kim Thạch	Huyện Vĩnh Linh			21	0.30		22.82	76.07	6,908	86.35
89	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh Linh			24	0.36		27.98	93.27	6,636	82.95
90	Xã Vĩnh Lâm	Huyện Vĩnh Linh			10	0.16		13.64	45.48	6,281	78.51
91	Xã Vĩnh Sơn	Huyện Vĩnh Linh			18	0.25		41.26	137.53	7,178	89.73
92	Xã Vĩnh Thủy	Huyện Vĩnh Linh			15	0.21		48.83	162.77	7,090	88.63
93	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh Linh			4	0.09		15.07	50.22	4,521	56.51
94	Xã Vĩnh Giang	Huyện Vĩnh Linh			13	0.23		9.15	30.51	5,756	71.95
95	Xã Vĩnh Chấp	Huyện Vĩnh Linh			15	0.28		55.02	183.39	5,324	66.55
96	Xã Vĩnh Thái	Huyện Vĩnh Linh			12	0.31		14.46	48.20	3,834	47.93
97	Xã Vĩnh Tú	Huyện Vĩnh Linh			4	0.10		34.48	114.94	3,855	48.19
98	Xã Vĩnh Ô	Huyện Vĩnh Linh	x		1414	96.06		85.94	171.88	1,472	147.20
99	Xã Vĩnh Khê	Huyện Vĩnh Linh	x		1082	90.70		23.80	47.60	1,193	119.30
100	Xã Vĩnh Hà	Huyện Vĩnh Linh	x		793	38.89		165.03	330.06	2,039	81.56
101	Xã Hải Lệ	Thị xã Quảng Trị			10	0.19		64.67	215.57	5,284	66.05
II	CÁC THỊ TRẤN										
1	Thị trấn Cam Lộ	Huyện Cam Lộ			23	0.27		11.03	78.79	8,508	106.35
2	Thị trấn Gio Linh	Huyện Gio Linh			14	0.14		7.70	55.00	9,667	120.84
3	Thị trấn Cửa Việt	Huyện Gio Linh			26	0.42		6.88	49.14	6,211	77.64
4	Thị trấn Krông Klang	Huyện Đakrông	x		2152	42.89		18.45	131.75	5,017	125.43
5	Thị trấn Diên Sanh	Huyện Hải Lăng			30	0.27		24.60	175.74	11,166	139.58
6	Thị trấn Lao Bảo	Huyện Hướng Hóa	x		1794	13.47	B. Giới	17.17	122.64	13,320	333.00
7	Thị trấn Khe Sanh	Huyện Hướng Hóa	x		1663	11.86		12.88	92.00	14,017	350.43

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
8	Thị trấn Ái Tử	Huyện Triệu Phong			10	0.18		3.50	25.03	5,538	69.23
9	Thị trấn Hồ Xá	Huyện Vĩnh Linh			25	0.16		7.37	52.63	15,421	192.76
10	Thị trấn Bến Quan	Huyện Vĩnh Linh	x		9	0.20		4.21	30.07	4,551	113.78
11	Thị trấn Cửa Tùng	Huyện Vĩnh Linh			27	0.27		10.47	74.81	10,163	127.04
III	CÁC PHƯỜNG										
1	Phường 1	Thành phố Đông Hà			32	0.12		2.59	47.09	26,254	375.06
2	Phường 2	Thành phố Đông Hà			10	0.18		2.01	36.55	5,411	77.30
3	Phường 3	Thành phố Đông Hà			23	0.30		19.16	348.36	7,766	110.94
4	Phường 4	Thành phố Đông Hà			4	0.08		5.16	93.82	4,815	68.79
5	Phường 5	Thành phố Đông Hà			104	0.36		3.64	66.18	29,025	414.64
6	Phường Đông Thanh	Thành phố Đông Hà			4	0.07		4.84	88.00	5,538	79.11
7	Phường Đông Giang	Thành phố Đông Hà			4	0.06		6.29	114.36	6,164	88.06
8	Phường Đông Lễ	Thành phố Đông Hà			9	0.09		9.39	170.73	9,874	141.06
9	Phường Đông Lương	Thành phố Đông Hà			83	0.58		20.00	363.64	14,243	203.47
10	Phường 1	Thị xã Quảng Trị			17	0.33		1.72	31.27	5,207	104.14
11	Phường 2	Thị xã Quảng Trị			13	0.18		2.03	36.91	7,051	141.02
12	Phường 3	Thị xã Quảng Trị			13	0.13		1.74	31.64	9,955	199.10
13	Phường An Đôn	Thị xã Quảng Trị			4	0.21		2.66	48.36	1,885	37.70



THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

(Kèm theo Phương án số 6325/PA-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các huyện:										
1	Hướng Hóa	x		51,152	49.54	Biên giới	1.152.35	135.57	103,259	258.15	21
2	Đakrông	x		40,366	79.70	Biên giới	1,184.83	139.39	50,650	126.63	13
3	Cam Lộ			531	0.94		344.22	76.49	56,698	47.25	8
4	Gio Linh			3,072	3.26		470.88	104.64	94,319	78.60	17
5	Hải Lăng			220	0.20		427.36	94.47	109,655	91.38	16
6	Triệu Phong			231	0.19		353.39	78.53	121,171	100.98	18
7	Vĩnh Linh			3,522	3.34		619.99	137.78	105,498	87.92	18
8	Đảo Cồn Cỏ		x				2.3	0.70	168	2.56	
II	Các thành phố:										
1	Thành phố Đông Hà			273	0.25		73.09	48.73	109,090	72.73	9
III	Các thị xã:										
1	Thị xã Quảng Trị			57	0.19		72.82	36.41	29,382	29.38	5

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023-2025
(Kèm theo Phương án số **632**/PA-UBND ngày **28**/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các huyện:										
1	Đảo Cồn Cỏ		x			Có vị trí tách biệt với ĐVHC khác	2.3	0.70	168	2.56	
II	Các thị xã:										
1	Thị xã Quảng Trị			57	0.19		72.82	36.41	29,382	29.38	5

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023-2025
(Kèm theo Phương án số **6323**/PA-UBND ngày **28**/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	CÁC XÃ										
1	Xã Gio Châu	Huyện Gio Linh			7	0.15		17.18	57.27	4,728	59.10
2	Xã Linh Hải	Huyện Gio Linh			4	0.14		20.5	68.33	2,924	36.55
3	Xã Trung Hải	Huyện Gio Linh			20	0.39		14.47	48.23	5,090	63.63
4	Xã Gio Việt	Huyện Gio Linh			9	0.14		3.57	11.90	6,558	81.98
5	Xã Gio Quang	Huyện Gio Linh			13	0.36		18.33	61.10	3,584	44.80
6	Xã Gio Sơn	Huyện Gio Linh			24	0.45	Đã sắp xếp giai đoạn 2019-2021	14.05	46.83	5,361	67.01
7	Xã Trung Giang	Huyện Gio Linh			17	0.34	Trọng điểm về Quốc phòng	10.77	35.90	4,955	61.94
8	Xã Hải Phú	Huyện Hải Lăng			9	0.17	Trọng điểm về Quốc	17.38	57.93	5,397	67.46
9	Xã Hải Quế	Huyện Hải Lăng			7	0.15		15.02	50.07	4,625	57.81
10	Xã Hải Quy	Huyện Hải Lăng			15	0.28		6.93	23.10	5,278	65.98

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
11	Xã Triệu Vân	Huyện Triệu Phong			11	0.30	Trọng điểm về Quốc	10.66	35.53	3,712	46.40
12	Xã Triệu Lăng	Huyện Triệu Phong			13	0.23	Trọng điểm về Quốc	11.43	38.09	5,555	69.44
13	Xã Triệu Sơn	Huyện Triệu Phong			7	0.15		17.65	58.83	4,625	57.81
14	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh Linh			4	0.09		15.07	50.22	4,521	56.51
15	Xã Vĩnh Thái	Huyện Vĩnh Linh			12	0.31	Trọng điểm về Quốc	14.46	48.20	3,834	47.93
II	CÁC THỊ TRẤN										
1	Thị trấn Ái Tử	Huyện Triệu Phong			10	0.18	Trọng điểm về Quốc	3.50	25.03	5,538	69.23
III	CÁC PHƯỜNG										
1	Phường An Đôn	Thị xã Quảng Trị			4	0.21	Có vị trí tách biệt với ĐVHC khác	2.66	48.36	1,885	37.70